

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024
hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu
và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

(Tiếp theo Công báo số 1459 + 1460)

MẪU SỐ 10B

**HỒ SƠ MỜI THẦU
THIẾT KẾ, CUNG CẤP HÀNG HÓA
VÀ XÂY LẮP (EPC) QUA MẠNG
MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Mẫu số 05A2 (Webform trên Hệ thống)

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA (P)
TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND

Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương — VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự đối với hàng hóa⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Lĩnh vực tổng quát của hàng hóa	<i>[ghi thông tin lĩnh vực nếu có]</i>		
3. Mã HS	<i>[ghi thông tin về mã HS nếu có]</i>		
4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
5. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
6. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 05A3 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG XÂY LẮP (C) TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự đối với xây lắp⁽²⁾			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		

3. Các nội dung công việc chính của hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi thông tin các công việc chính trong hợp đồng đã thực hiện]</i>
4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 05A4 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯ VẤN (E) TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự đối với phần tư vấn			
1. Tên dịch vụ tư vấn	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Tính chất tương tự ⁽²⁾	<i>[ghi tính chất tương tự của dịch vụ tư vấn]</i>		
3. Giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
4. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III.

Mẫu số 05B (webform trên Hệ thống)**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA***(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)*Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ *[Điền số lượng nhà máy]*

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	<i>[Ghi tên nhà máy]</i>
Địa chỉ:	<i>[Ghi địa chỉ nhà máy]</i>
Tổng mức đầu tư:	<i>[Ghi tổng mức đầu tư]</i>
Công suất thiết kế:	<i>[Ghi công suất thiết kế]</i>
Công suất thực hiện:	<i>[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]</i>
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	<i>[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]</i>
Tiêu chuẩn sản xuất:	<i>[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]</i>
Số lao động đang làm việc:	<i>[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]</i>

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

Mẫu số 06A (webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động Trường hợp nhân sự chủ chốt (trừ nhân sự chủ chốt thực hiện phần công việc tư vấn) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

Mẫu số 06A (webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động Trường hợp nhân sự chủ chốt (trừ nhân sự chủ chốt thực hiện phần công việc tư vấn) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/ Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/ Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu số 06C) trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải chuẩn bị tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thi công chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị thi công chủ yếu khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

STT	Thông tin thiết bị								Hiện trạng		
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Số đăng ký/dăng kiểm (nếu có)	Địa điểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/ đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)
1											
2											
...											

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

STT	Loại thiết bị	Chủ sở hữu					Thỏa thuận
		Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Số Fax	Telex	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/ chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án
1							
...							

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = 10 x 12
1	Hàng hóa thứ 1											
2	Hàng hóa thứ 2											
...												
n	Hàng hóa thứ n											

Ghi chú:

Nhà thầu điền các thông tin theo bảng trên. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “theo E-HSĐT”, xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật” ... thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

(2), (9) “Danh mục hàng hóa” và “Đơn vị tính” do nhà thầu đề xuất được trích xuất sang Mẫu 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) hoặc 11.2 (11.2A hoặc 11.2B hoặc 11.2C hoặc 11.2D).

(11) Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

(12) Hệ thống tự trích xuất sau khi nhà thầu hoàn thành Bảng số 11.1 hoặc Bảng số 11.2.

(13) Hệ thống tự tính.

Mẫu số 07 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯ VẤN, HÀNG HÓA, XÂY LẮP, EPC, EP, EC, PC,
CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI
CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng tư vấn, hàng hóa, xây lắp, EPC, EP, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

Không có hợp đồng tư vấn, hàng hóa, xây lắp, EPC, EP, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Có hợp đồng tư vấn, hàng hóa, xây lắp, EPC, EP, EC, PC, chìa khóa trao tay đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng tư vấn, hàng hóa, xây lắp, EPC, EP, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng tư vấn, hàng hóa, xây lắp, EPC, EP, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08A (Webform trên Hệ thống)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày__ tháng__ đến ngày__ tháng__ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

-
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 08B (Webform trên Hệ thống)**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH ⁽¹⁾**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng)^(*) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 08C Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
4		
5		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{NLTC = TNL - ĐTH}$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;

- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);

- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 08C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III.

Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 08C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(*) Hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức còn được sử dụng) là tổng hạn mức tín dụng còn lại trong tất cả Hợp đồng tín dụng mà Nhà thầu được phép sử dụng.

Mẫu số 08C (Webform trên Hệ thống)

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN ⁽¹⁾**

ST T	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A)⁽²⁾	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B)⁽³⁾	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (Webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT ⁽¹⁾**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2.3 Mục 2 Chương III.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

Mẫu số 09C (Webform trên Hệ thống)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 10 (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Phần này đưa ra yêu cầu chi tiết tiến độ yêu cầu cho gói thầu EPC này với nội dung chi tiết và các mốc thời gian quan trọng liên quan đến nghiệm thu, chuyển tiếp và đồng bộ với các công tác khác của dự án cũng như các mốc thời gian làm cơ sở xác định việc thưởng phạt tiến độ trong hợp đồng.

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của E-HSMT và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu.

Bảng 1 - Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình do nhà thầu đề xuất
(tính từ khi hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành toàn bộ công trình)

Tên công trình (1)	Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình (2)	Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình do nhà thầu đề xuất (3)

(1), (2): Trích xuất từ Mẫu số 01E Chương này

(3): Nhà thầu chào, thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình do nhà thầu đề xuất không được vượt thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình do chủ đầu tư yêu cầu

Bảng 2 - Các mốc thời gian hoàn thành quan trọng

TT	Hạng mục công việc (1)	Thời gian bắt đầu (2)	Thời gian hoàn thành (3)
1			
2			
...			

Trường hợp chủ đầu tư không đưa ra yêu cầu về các mốc thời gian hoàn thành quan trọng tại Bảng 2 theo Mẫu số 01E thì nhà thầu tự điền vào Bảng này.

Mẫu số 11.1A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm thiết bị...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.5</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa, vật tư, thiết bị</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>
<i>Bảng giá 4: Công tác xây dựng, lắp đặt</i>			<i>(A4)</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>
<i>4.2 Công việc 2</i>			<i>A4.2</i>
...			<i>A4.n</i>
<i>Bảng giá 5: Hàng hóa, vật tư, thiết bị dự phòng (nếu có)</i>			<i>(A5)</i>
<i>5.1 Công việc 1</i>			<i>A5.1</i>
<i>5.2 Công việc 2</i>			<i>A5.2</i>
...			<i>A5.n</i>
<i>Tổng giá trị công việc</i>			<i>(A)</i>
<i>Giá dự thầu trước thuế</i>			<i>A</i>
<i>Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu thiết bị</i>			<i>(E)</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</i>			<i>(G)</i>
<i>Thuế giá trị gia tăng (VAT)</i>			<i>(H)</i>
<i>Tổng giá trị thuế $I = (E+G +H)$ ⁽²⁾</i>			<i>(I)</i>
<i>Giá dự thầu sau thuế, phí, lệ phí</i>			$M = A + I$

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01A thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01A sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2) Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Mẫu số 11.1B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm thiết bị...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.5</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa, vật tư, thiết bị</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>
<i>Bảng giá 4: Công tác xây dựng, lắp đặt</i>			<i>(A4)</i>
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>
<i>4.2 Công việc 2</i>			<i>A4.2</i>
<i>...</i>			<i>A4.n</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Bảng giá 5: Hàng hóa, vật tư, thiết bị dự phòng (nếu có)			(A5)
5.1 Công việc 1			A5.1
5.2 Công việc 2			A5.2
...			A5.n
Tổng giá trị công việc			(A)
Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu thiết bị			(E)
Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			(G)
Thuế giá trị gia tăng (VAT)			(H)
Tổng giá trị thuế (I) = (E+G +H) ⁽²⁾			(I)
Giá dự thầu sau thuế (A + I)			(J)
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh ⁽³⁾		b1%	B1=b1% xJ
Chi phí công nhật ⁽⁴⁾			(B)
Chi phí cho các khoản tạm tính ⁽⁴⁾			(C)
Giá dự thầu trước thuế (= Tổng giá trị công việc, chi phí công nhật, chi phí dự phòng và các khoản tạm tính			D = A + B1 + B + C
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)			M = D + I

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu

trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01B thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01B sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(3): Được trích xuất từ bảng mời thầu theo mẫu số 01B của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(4): Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính và công nhật thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính và chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSMT để so sánh, xếp hạng các E-HSMT.

Mẫu số 11.1C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm thiết bị...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.5</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa, vật tư, thiết bị</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Bảng giá 4: Công tác xây dựng, lắp đặt			(A4)
4.1 Công việc 1			A4.1
4.2 Công việc 2			A4.2
...			A4.n
Bảng giá 5: Hàng hóa, vật tư, thiết bị dự phòng (nếu có)			(A5)
5.1 Công việc 1			A5.1
5.2 Công việc 2			A5.2
...			A5.n
Tổng giá trị công việc			(A)
Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu thiết bị			(E)
Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			(G)
Thuế giá trị gia tăng (VAT)			(H)
Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí (I) = (E+G +H) ⁽²⁾			(I)
Giá dự thầu sau thuế (A + I)			(J)
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽³⁾		b2%	B2=b2%\timesJ
Chi phí công nhật ⁽⁴⁾			(B)
Chi phí cho các khoản tạm tính ⁽⁴⁾			(C)
Giá dự thầu trước thuế (= Tổng giá trị công việc, chi phí công nhật, chi phí dự phòng và các khoản tạm tính			D = A + B2 + B + C
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			M = D + I

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01C thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01C sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(3): Được trích xuất từ bảng mời thầu theo mẫu số 01C của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(4): Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính và công nhật thì phần chi phí cho các khoản tạm tính và chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSMT để so sánh, xếp hạng các E-HSMT.

Mẫu số 11.1D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			X1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			A
<i>Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu thiết bị</i>			E
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</i>			G
<i>Thuế giá trị gia tăng (VAT)</i>			H
Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí (I) = (E+G +H)			I
Giá dự thầu sau thuế (A + I)			J
<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh⁽²⁾</i>		b1%	B1 = b1% x J
Tổng hợp giá dự thầu (chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			X2=A+B1

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			A
<i>Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu thiết bị</i>			E
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</i>			G
<i>Thuế giá trị gia tăng (VAT)</i>			H
Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí (K) = (E+G +H)			K
Giá dự thầu sau thuế (A + K)			J
<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽²⁾</i>		b2%	B2 = b2% x J
Tổng hợp giá dự thầu (chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			X3=A+B2

IV. Tổng hợp giá dự thầu

Stt	Các hạng mục	Giá theo các hạng mục
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3

Stt	Các hạng mục	Giá theo các hạng mục
IV	Chi phí công nhật ⁽³⁾	B
V	Chi phí cho các khoản tạm tính ⁽³⁾	C
VI	Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí cho các hạng mục công việc áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh ⁽⁴⁾	$X4 = I + K$
	Tổng cộng giá dự thầu chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí	$D=X1+X2+X3+B+C$
	Tổng cộng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (Trích xuất ra giá dự thầu)	$M=D+X4$

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01D thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01D sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Được trích xuất từ bảng mời thầu theo Mẫu số 01D của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(3): Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính và công nhật thì phần chi phí cho các khoản tạm tính và chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

(4): Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Mẫu số 11.2A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng trọn gói)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Bảng giá 1: Công việc chung			(A1)
1.1 Bảo hành			A1.1
1.2 Bảo hiểm thiết bị...			A1.2
1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành			A1.3
1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...			A1.4
1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia			A1.5
...			A1.n
Bảng giá 2: Công tác thiết kế			(A2)
2.1 Công việc 1			A2.1
2.2 Công việc 2			A2.2
....			A2.n
Bảng giá 3: Hàng hóa, vật tư, thiết bị			(A3)
3.1 Công việc 1			A3.1
3.2 Công việc 2			A3.2
....			A3.n

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 4: Công tác xây dựng, lắp đặt</i>			(A4)
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>
<i>4.2 Công việc 2</i>			<i>A4.2</i>
...			<i>A4.n</i>
<i>Bảng giá 5: Hàng hóa, vật tư, thiết bị dự phòng (nếu có)</i>			(A5)
<i>5.1 Công việc 1</i>			<i>A5.1</i>
<i>5.2 Công việc 2</i>			<i>A5.2</i>
...			<i>A5.n</i>
<i>Tổng giá trị công việc</i>			(A)
<i>Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí</i>			A

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01A thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01A sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Mẫu số 11.2B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Bảng giá 1: Công việc chung			(A1)
1.1 Bảo hành			A1.1
1.2 Bảo hiểm thiết bị...			A1.2
1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành			A1.3
1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...			A1.4
1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia			A1.5
...			A1.n
Bảng giá 2: Công tác thiết kế			(A2)
2.1 Công việc 1			A2.1
2.2 Công việc 2			A2.2
....			A2.n
Bảng giá 3: Hàng hóa, vật tư, thiết bị			(A3)
3.1 Công việc 1			A3.1
3.2 Công việc 2			A3.2
....			A3.n

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 4: Công tác xây dựng, lắp đặt</i>			<i>(A4)</i>
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>
<i>4.2 Công việc 2</i>			<i>A4.2</i>
...			<i>A4.n</i>
<i>Bảng giá 5: Hàng hóa, vật tư, thiết bị dự phòng (nếu có)</i>			<i>(A5)</i>
<i>5.1 Công việc 1</i>			<i>A5.1</i>
<i>5.2 Công việc 2</i>			<i>A5.2</i>
...			<i>A5.n</i>
<i>Tổng giá trị công việc</i>			<i>(A)</i>
<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh⁽²⁾</i>		b1%	B1=b1%xA
<i>Chi phí công nhật⁽³⁾</i>			<i>(B)</i>
<i>Chi phí cho các khoản tạm tính khác⁽³⁾</i>			<i>(C)</i>
<i>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</i>			<i>M = A + B1 + B + C</i>

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu

trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01B thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01B sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Được trích xuất từ bảng mời thầu tại mẫu số 01B của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(3) Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính và công nhật thì phần chi phí cho các khoản tạm tính và chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSMT để so sánh, xếp hạng các E-HSMT.

Mẫu số 11.2C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm thiết bị...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.5</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa, vật tư, thiết bị</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 4: Công tác xây dựng, lắp đặt</i>			(A4)
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>
<i>4.2 Công việc 2</i>			<i>A4.2</i>
...			<i>A5.n</i>
<i>Bảng giá 5: Hàng hóa, vật tư thiết bị dự phòng (nếu có)</i>			(A5)
<i>5.1 Công việc 1</i>			<i>A5.1</i>
<i>5.2 Công việc 2</i>			<i>A5.2</i>
...			<i>A5.n</i>
<i>Tổng giá trị công việc</i>			(A)
<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá⁽²⁾</i>		b2%	B2=b2%xA
<i>Chi phí công nhật⁽³⁾</i>			(B)
<i>Chi phí cho các khoản tạm tính khác⁽³⁾</i>			(C)
<i>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</i>			$M = A + B2 + B + C$

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất

trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01C thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01C sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Được trích xuất từ bảng mời thầu tại mẫu số 01C của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(3) Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính và công nhật thì phần chi phí cho các khoản tạm tính và chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSMT để so sánh, xếp hạng các E-HSMT.

Mẫu số 11.2D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			X1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			A
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh ⁽²⁾		b1%	$B1 = b1\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			$X2=A+B1$

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			A
	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽²⁾</i>	b2%	$B2 = b2\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			$X3=A+B2$

IV. Tổng hợp giá dự thầu

Stt	Các hạng mục	Giá theo các hạng mục
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Chi phí công nhật ⁽³⁾	B
V	Chi phí cho các khoản tạm tính ⁽³⁾	C
	Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu)	$M=X1+X2+X3 +B+C$

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01D thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01D sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Được trích xuất từ bảng mời thầu tại mẫu số 01D của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(3) Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính và công nhật thì phần chi phí cho các khoản tạm tính và chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

1. Nội dung và bố cục:

Bảng giá dự thầu gồm các phần chính như sau:

- a) Giá cho phần công việc chung, các công việc chính*
- b) Giá cho các công việc thành phần*
- c) Bảng giá kế hoạch thuê công nhật (chi phí dự phòng trong trường hợp có phát sinh công việc tính theo đơn giá ngày công bao gồm nhân công, vật liệu, thiết bị của nhà thầu)*
- d) Bảng chi phí dự phòng (nếu có)*
- đ) Giá dự thầu trước thuế (trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế)*
- e) Thuế, phí, lệ phí (trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế)*
- g) Giá dự thầu sau thuế.*

2. Giá cho phần công việc chính

Giá cho phần công việc chính cần kèm theo giới thiệu chỉ rõ các thành phần cấu thành của bảng giá, nêu phương pháp tính toán khối lượng đã được sử dụng trong việc lập bảng giá này và sẽ được áp dụng để tính toán khối lượng phục vụ cho việc đo lường, nghiệm thu, thanh toán đối với công việc trong bảng giá này.

3. Giá cho các công việc thành phần

Các công việc thành phần trong bảng giá dự thầu nên được nhóm thành từng phần theo bản chất, địa điểm, thời gian hoặc các đặc điểm khác làm cho chi phí thực hiện có sự khác biệt. Việc hình thành và bố cục thành phần bảng giá thường được thực hiện trên cơ sở từng hạng mục riêng biệt của công trình và phải liên kết chặt chẽ với bố cục trong thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu thiết kế công trình.

Các phần công việc chung cần phải thực hiện để hỗ trợ cho các phần của công việc khác trong bảng giá này có thể nhóm lại thành một hoặc một số mục riêng trong bảng giá này. Khi việc điều chỉnh giá theo các phần công việc được áp dụng, các yếu tố điều chỉnh giá thường liên quan đến các phần tương ứng trong bảng giá.

4. Khối lượng mời thầu và phương pháp tính

- Không nên lấy toàn bộ danh mục công việc trong thiết kế cơ sở, thiết kế FEED để cấu trúc thành khối lượng mời thầu mà nên rút gọn, đưa danh mục theo tiêu chí cần kiểm soát, giám sát nghiệm thu. Đối với các khối lượng liên quan tới biện pháp thi công mà nhà thầu có thể chủ động cải tiến nhằm tăng năng suất, hiệu quả thì không nên đưa chi tiết.

- Danh mục và khối lượng công việc phải phù hợp với nguyên tắc quản lý thanh toán sau này.

Ví dụ về lập Bảng khối lượng mời thầu và mẫu yêu cầu chào giá được giới thiệu trong Ví dụ 4 Phụ lục 2 - Ví dụ, hướng dẫn soạn thảo một số nội dung E-HSMT.

5. Đơn vị đo lường

Có thể quy định chung các đơn vị đo lường và cách viết tắt để sử dụng. Ví dụ:

Đơn vị	Viết tắt	Đơn vị	Viết tắt
Mét khối	m^3	tấn	T
hécta	ha	milimét	mm
giờ	h	Mét vuông	m^2
kilogram	kg	Milimét vuông	mm^2
mét	m		

6. Bảng kế hoạch thuê công nhật

Bảng kế hoạch ngày công cần được lập nếu dự kiến có thể xảy ra các công việc không lường trước được ngoài các thành phần của Bảng giá để Chủ đầu tư có thể kiểm tra được tính thực tiễn của các đơn giá chào của nhà thầu. Bảng kế hoạch ngày công thường bao gồm:

- Danh sách phân loại lao động, vật liệu, thiết bị của nhà thầu mà đơn giá cho mỗi loại đó sẽ được nhà thầu điền cùng với các điều kiện để có thể được thanh toán cho công việc được thực hiện theo ngày; và

- Tỷ lệ phần trăm cần được nhà thầu điền cho mỗi loại ngày công bao gồm nhân công, vật liệu, và lợi nhuận của nhà thầu, các chi phí quản lý, giám sát và các chi phí khác.

7. Giá trị dự phòng và tổng giá trị dự phòng tạm tính

- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói, nhà thầu phải tính toán giá dự thầu bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí dự phòng và phân bổ vào trong giá dự thầu.

- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá, giá trị dự phòng, tạm tính là phần giá trị được đưa vào hợp đồng nhằm mục đích dự trù trước khoản tiền trong hợp đồng để thanh toán cho các nội dung điều chỉnh đã được quy định trong hợp đồng, tránh việc thanh toán hợp đồng cho các phần điều chỉnh làm vượt giá hợp đồng hoặc tránh phải phê duyệt bổ sung các chi phí khác có thể phát sinh sau này làm chậm trễ các thủ tục thực hiện.

Nên xây dựng khối lượng dự phòng cho từng thành phần hoặc loại hình công việc có khả năng bị vượt khối lượng bằng cách điền thêm mục dự phòng vào trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Đối với các phần khác ngoài các công việc nêu ở trên, giá trị dự phòng khối lượng nên được lập trong phần Chi phí dự phòng trong phần Tổng giá trị công việc và chi phí dự phòng. Tương tự, dự phòng trượt giá cũng cần được lập trong Chi phí dự phòng trong phần Tổng giá trị công việc và chi phí dự phòng.

Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

8. Bảng tổng hợp giá dự thầu và lưu ý liên quan đến các loại thuế

- Bảng tổng hợp giá dự thầu bao gồm cả chi phí dự phòng cho ngày công, dự phòng khối lượng, dự phòng về trượt giá, các loại thuế.

- Các loại thuế: Cần lưu ý giá dự thầu và giá ký hợp đồng phải bao gồm các loại thuế có liên quan.

+ Những khoản thuế, phí dự kiến sẽ có thể biến động theo pháp luật trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc ngay tại thời điểm trước khi ký kết hợp đồng hai bên không thể có nguyên tắc rõ để xác định giá trị thì nên tách thành các mục riêng và quy định nguyên tắc quản lý, chi trả trong hợp đồng. Ví dụ như thuế nhập khẩu hàng hóa chính (thiết bị), thuế VAT, ... Trường hợp nhà thầu chào tách thuế, phí, lệ phí theo các Mẫu số 11.1 thì các khoản thuế này không đưa vào so sánh, xếp hạng, đánh giá nhưng phải gồm trong giá ký hợp đồng để đảm bảo nguồn tiền thanh toán.

Mẫu số 12A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ CÔNG NHẬT****1. Quy định chung**

a) Bảng kê Công nhật thông thường được áp dụng đối với các gói thầu có khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Trường hợp cần đưa Bảng kê Công nhật vào E-HSMT thì phải ghi rõ khối lượng, số lượng danh nghĩa đối với các hạng mục có khả năng phải sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào giá. Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh các E-HSDT.

b) Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm Chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh công nhật hoặc các công việc tạm tính khác thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

c) Các công việc sẽ không được thực hiện trên cơ sở công nhật trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải điền đơn giá, thành tiền cho các hạng mục công nhật trong các Bảng nhân công, vật liệu, thiết bị. Đơn giá do nhà thầu chào sẽ được áp dụng đối với bất kỳ khối lượng công nhật nào được Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện. Trừ khi hợp đồng có quy định khác, các khoản thanh toán cho công nhật sẽ phụ thuộc vào quy định về điều chỉnh giá trong Điều kiện hợp đồng.

2. Nhân công tính theo Công nhật

a) Khi tính toán các khoản thanh toán cho nhà thầu theo công nhật, số giờ cho nhân công sẽ được tính từ thời điểm nhân công đến hiện trường để thực hiện hạng mục công nhật đến thời điểm nhân công quay trở về nơi xuất phát ban đầu, nhưng không bao gồm thời gian nghỉ ăn trưa và những khoảng thời gian nghỉ khác.

Chỉ có thời gian của các nhân công trực tiếp làm công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư và công việc mà nhân công có khả năng thực hiện mới được tính chi phí. Thời gian đội trưởng tham gia xây lắp cùng tập thể lao động cũng sẽ được tính nhưng không tính thời gian của đốc công hoặc nhân sự giám sát khác.

b) Nhà thầu được thanh toán đối với tổng số thời gian mà nhân công được thuê theo công nhật. Giá trị thanh toán được tính theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công**. Đơn giá được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) tất cả các chi phí phải thanh toán cho nhà thầu như:

- Số tiền lương trả cho người lao động;
- Chi phí đi lại, làm thêm giờ, sinh hoạt phí;
- Các chi phí về phúc lợi xã hội liên quan;
- Lợi nhuận của nhà thầu, chi phí quản lý, giám sát, bảo hiểm;
- Chi phí điện, nước, an ninh, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hành chính, văn thư và các chi phí liên quan khác.

3. Vật liệu tính theo Công nhật

Nhà thầu sẽ được thanh toán đối với vật liệu được sử dụng để thực hiện công việc theo công nhật với đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 2. Vật liệu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận như sau:

a) Đơn giá vật liệu sẽ được tính trên cơ sở giá ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí để giao vật liệu đến kho tại Công trường bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí bốc dỡ, thiệt hại, tổn thất...;

b) Chi phí vận chuyển vật liệu để sử dụng vào công việc được yêu cầu thực hiện theo công nhật từ kho chứa tại Công trường đến địa điểm mà vật liệu được sử dụng sẽ được thanh toán theo các điều khoản về Nhân công và Thiết bị thi công trong Bảng này.

4. Thiết bị của nhà thầu tính theo Công nhật

a) Nhà thầu được thanh toán đối với Thiết bị của nhà thầu đã có tại Công trường và được sử dụng vào công việc theo công nhật theo đơn giá mà nhà thầu

chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 3. Thiết bị của nhà thầu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao thiết bị;
- Chi phí lãi suất, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, sửa chữa, bảo trì, vật tư, nhiên liệu, dầu nhờn và vật tư tiêu hao khác;
- Lợi nhuận và chi phí quản lý liên quan đến việc sử dụng các thiết bị.
- Chi phí cho nhân viên vận hành thiết bị và trợ lý sẽ được thanh toán riêng như mô tả tại phần Nhân công tính theo Công nhật.

b) Chỉ có số giờ vận hành thực sự của thiết bị để thực hiện các công việc theo công nhật mới đủ điều kiện để thanh toán; trừ trường hợp chủ đầu tư chấp nhận thanh toán đối với thời gian di chuyển thiết bị từ Công trường nơi thiết bị được đặt đến vị trí thi công các công việc theo công nhật và thời gian di chuyển thiết bị về vị trí ban đầu.

Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công

Công việc số	Mô tả⁽¹⁾	Đơn vị⁽²⁾	Số lượng danh nghĩa⁽³⁾	Đơn giá⁽⁴⁾	Thành tiền⁽⁵⁾ (VND)
1	Trưởng nhóm	giờ	50		
2	Công nhân phổ thông	giờ	500		
3	Thợ nề	giờ	200		
4	Thợ hồ	giờ	200		
5	Thợ mộc	giờ	100		
6	Thợ sắt	giờ	100		
7	Lái xe đến 10 tấn	giờ	100		
...				
	Tổng giá cho Công nhật: Nhân công (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(B1)

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

Bảng đơn giá công nhật: 2. Vật liệu

Công việc số	Mô tả⁽¹⁾	Đơn vị⁽²⁾	Số lượng danh nghĩa⁽³⁾	Đơn giá⁽⁴⁾	Thành tiền⁽⁵⁾ (VND)
1	<i>Xi măng Portland</i>	<i>tấn</i>	<i>0,5</i>		
2	<i>Thanh gia có thép dẻo có đường kính 16mmØ đến M-31 hoặc tương đương</i>	<i>kg</i>	<i>100</i>		
3	<i>Đường ống gang dẻo (800mm Ø)</i>	<i>m</i>	<i>12</i>		
...				
	Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(B2)

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

Bảng đơn giá công nhật 3. Thiết bị của Nhà thầu

Công việc số	Mô tả⁽¹⁾	Đơn vị⁽²⁾	Số lượng danh nghĩa⁽³⁾	Đơn giá⁽⁴⁾	Thành tiền⁽⁵⁾ (VND)
1	Máy cầu bánh xích, 10 - 15 tấn	giờ	10		
2	Ô tô cần trục, 25 - 50 tấn	giờ	15		
3	Máy đào thủy lực, 170Hp	giờ	10		
4	Máy san ủi, 3m, 100Hp	giờ	20		
5	Xe téc chở nước, 5000 lít	giờ	30		
6	Máy nén khí, 6000 lít/phút	giờ	40		
...				
Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của Nhà thầu (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)					(B3)

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

Bảng Công nhật tổng hợp

	Thành tiền (VND)
1. Tổng giá cho Công nhật: Nhân công	(B1)
2. Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu	(B2)
3. Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của nhà thầu.	(B3)
Tổng giá cho Công nhật (kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí công nhật trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)	B

Mẫu số 12B (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ CÁC KHOẢN TẠM TÍNH**

Phần chi phí cho các khoản tạm tính sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh các E-HSDT. Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh các công việc theo mô tả thì chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

Bảng số	Công việc số	Mô tả⁽¹⁾	Thành tiền (VND)⁽²⁾
04	15	Cung cấp và lắp đặt thiết bị tại trạm bơm	
06	19	Cung cấp hệ thống thông khí trong đường ống ngầm	
...			
....			
Tổng các khoản tạm tính (kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)			C

Ghi chú:

(1) Do Chủ đầu tư điền nội dung công việc để nhà thầu làm căn cứ chào trong E-HSDT theo đúng nội dung công việc nêu trong E-HSMT.

(2) Nhà thầu ghi thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

Mẫu số 12C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH*(áp dụng cho hợp đồng theo đơn điều chỉnh)*

Mã Chỉ số	Mô tả Chỉ số	Nguồn Chỉ số	Giá trị cơ sở và Ngày cơ sở	Số tiền	Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất
	Không điều chỉnh	—	—	—	a: 0.10 ~ 0.20
	Điều chỉnh	—	—	—	b: c: d: e:
Tổng cộng					1.00

Do Chủ đầu tư ghi: (dotted line pointing to the first two rows)
 Do Nhà thầu ghi: (dotted line pointing to the 'Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất' column)

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên		Hàng hóa của cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực	Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây	Kê khai chi phí trong nước	
			Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước trên 50%			Theo Mẫu 13B	Theo Mẫu 13C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hóa thứ 1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hóa thứ 2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...							
n	Hàng hóa thứ n		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 06E (Hệ thống cho phép nhà thầu được chỉnh sửa).

(3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. (Trường hợp nhà thầu tích chọn vào cột (3), (4) thì Hệ thống sẽ cho phép nhà thầu chọn cột (5), (6), (7), (8))

(7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu 13B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc 13C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
...	...					
n	Hàng hóa thứ n					

Ghi chú:

(1): Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 13A.

(2): Hệ thống tự động trích xuất giá mà nhà thầu đã chào từ các Mẫu số 11.1 hoặc Mẫu số 11.2 (Hệ thống cho phép nhà thầu được chỉnh sửa).

(3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

(5), (6): Hệ thống tự tính.

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾ (II)	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa) (G)		G*	Nhà thầu là nhà thương mại
					D(%)=G*/G Trong đó G = (I) - (II)		D(%)=G*/G
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hóa thứ 1						
2	Hàng hóa thứ 2						
...	...						
n	Hàng hóa thứ n						

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 13A

Trường hợp nhà thầu là nhà thương mại, Hệ thống trích xuất giá chào của hàng hóa, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước và giá trị thuế các loại (Hệ thống cho phép Nhà thầu được chỉnh sửa).

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất, Hệ thống trích xuất giá xuất xưởng, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước.

Mẫu số 14 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXTC)**

Ngày: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá tính trên giá dự thầu chưa bao gồm chi phí dự phòng*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: _____ [*Hệ thống trích xuất từ E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết:

1. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.
2. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40 E-CDNT của E-HSMT.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ GÓI THẦU

Chương V. YÊU CẦU VỀ GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu

Mục này giới thiệu khái quát thông tin về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm

a) Dự án/dự toán mua sắm:

- Tên dự án/dự toán mua sắm:*
- Chủ đầu tư:*
- Nguồn vốn:*
- Quyết định đầu tư (đối với dự án):*
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:*

b) Địa điểm:

- Vị trí:*
- Hiện trạng mặt bằng: các công trình nổi và ngầm hiện có;*
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm: Cấp nước, thoát nước, cấp điện, đường giao thông...*

c) Quy mô:

- Loại công trình và chức năng;*
- Quy mô và các đặc điểm khác.*

2. Giới thiệu chung về gói thầu

a) Phạm vi công việc của gói thầu;

b) Thời hạn hoàn thành.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Mục này nêu yêu cầu về thời gian từ khi hợp đồng EPC có hiệu lực tới khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

1. Yêu cầu về tiến độ chung của dự án/dự toán mua sắm

Phần này cung cấp cho nhà thầu tiến độ chung của dự án/dự toán mua sắm với các nội dung chi tiết đã được duyệt trong thiết kế mới nhất, bao gồm biểu đồ ngang về tiến độ các hợp phần của dự án/dự toán mua sắm có liên quan đến gói thầu.

2. Yêu cầu tiến độ của gói thầu và các mốc thời gian hoàn thành

Phần này cung cấp yêu cầu chi tiết tiến độ yêu cầu cho gói thầu EPC này với nội dung chi tiết và các mốc thời gian hoàn thành quan trọng liên quan đến nghiệm thu, chuyển tiếp và đồng bộ với các công tác khác của dự án/dự toán mua sắm cũng như các mốc thời gian làm cơ sở xác định việc thưởng phạt tiến độ trong hợp đồng.

Các mốc tiến độ quan trọng yêu cầu kê trong bảng sau:

TT	Hạng mục công việc	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1			
2			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

Để đảm bảo mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu, toàn bộ các Chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quyết định đầu tư kèm theo các tài liệu hình thành quyết định đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ thiết kế cập nhật sau cùng và các tài liệu hướng dẫn kèm theo, các quy định của pháp luật về đấu thầu.

Phần Chỉ dẫn kỹ thuật cần được bố cục chặt chẽ, đánh số mã hiệu theo hệ thống để đảm bảo tính nhất quán và logic trong quản lý. Phần Chỉ dẫn kỹ thuật viết đầy đủ các nội dung yêu cầu, bao gồm cả nguyên tắc nghiệm thu và thanh toán để tham chiếu từ bảng giá như mẫu Bảng khối lượng mời thầu và chào giá nêu trên.

Chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Yêu cầu về thiết kế;*
- 2. Yêu cầu về cung cấp, lắp đặt hàng hóa; yêu cầu về cung cấp các dịch vụ kèm theo;*
- 3. Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;*
- 4. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;*
- 5. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;*
- 6. Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;*
- 7. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);*
- 8. Các yêu cầu về vệ sinh môi trường;*
- 9. Các yêu cầu về an toàn lao động;*
- 10. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;*
- 11. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;*
- 12. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;*
- 13. Các yêu cầu khác tùy theo đặc thù của gói thầu như: yêu cầu tương thích với hệ thống thiết bị/công trình hiện có, yêu cầu về sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đặc thù...*
- 14. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có);*
- 15. Đấu thầu bền vững: Trường hợp có yêu cầu về đấu thầu bền vững thì chủ đầu tư cần đưa ra quy định bảo đảm sự thân thiện với môi trường, xã hội (vật tư, vật liệu, biện pháp thi công...) nhưng phải bảo đảm các quy định này là rõ ràng, không làm hạn chế nhà thầu.*

Trong Chỉ dẫn kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, không được nêu các yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của vật tư, thiết bị hoặc nguồn gốc cụ thể của vật tư, thiết bị làm giảm tính cạnh tranh trong đấu thầu.

Trường hợp đặc biệt khi không mô tả được chi tiết về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ trong E-HSMT thì có thể nêu nhãn hiệu, catalô của sản phẩm, hàng hóa cụ thể của một nhà sản xuất nào đó, hoặc vật tư, thiết bị từ một quốc gia để tham khảo, minh họa cho Chỉ dẫn kỹ thuật của vật tư, thiết bị thì phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô hoặc xuất xứ nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các vật tư, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.

Ví dụ về thành phần, bố cục nội dung thuyết minh yêu cầu điển hình của một gói thầu xây dựng thủy điện được nêu trong ví dụ 4 Phụ lục 2 - Ví dụ, hướng dẫn soạn thảo một số nội dung E-HSMT.

2. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
	<u>Thiết bị chính</u>		
1		
2		
	<u>Các thiết bị khác</u>		
1			
2			

E-HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

Phương án thay thế: E-HSMT có thể quy định theo phương án nêu giá trị thông số bảo hành điển hình theo thiết kế và cho phép nhà thầu chào các thông số bảo hành dao động xung quanh giá trị này nhưng không vượt quá mức tối thiểu, mức tối đa nào đó (*Vi dụ 5%*).

IV. Các bản vẽ

Mục này liệt kê các bản vẽ kèm theo E-HSMT^(*).

<i>STT</i>	<i>Ký hiệu</i>	<i>Tên bản vẽ</i>	<i>Phiên bản/ngày phát hành</i>
<i>1</i>			
<i>2</i>			
<i>3</i>			
<i>...</i>			

Ghi chú:

(*): Chủ đầu tư căn cứ vào tình trạng thiết kế đã có sẵn được duyệt (nếu có) để cung cấp với tiêu chí:

- Đảm bảo tính pháp lý và bảo mật cần thiết;
- Cung cấp tối đa thông tin của dự án để nhà thầu hiểu biết tốt nhất trong chuẩn bị E-HSDT.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Có thể sử dụng bộ điều kiện hợp đồng do Tổ chức Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) ban hành áp dụng cho dự án EPC/chìa khóa trao tay (Quyển Bạc

phiên bản 2017, tái bản có sửa đổi, bổ sung năm 2022) hoặc Điều kiện hợp đồng thiết bị công trình và thiết kế xây dựng (Quyển Vàng phiên bản 2017, tái bản có sửa đổi, bổ sung năm 2022) *(có thể sử dụng bản dịch tiếng Việt do Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam biên dịch và phát hành).*

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Ví dụ tham khảo về điều kiện cụ thể của hợp đồng được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

PHỤ LỤC 1**Một số ví dụ về điều khoản cụ thể của hợp đồng**

Các phụ lục kèm theo là ví dụ, hướng dẫn soạn thảo một số điều khoản cụ thể của hợp đồng kèm theo E-HSMT và được hai bên hoàn thiện trước khi ký hợp đồng.

Phụ lục 1.1**YÊU CẦU VỀ BẢO HIỂM**

Nhà thầu sẽ là bên mua bảo hiểm bằng chi phí của Nhà thầu với thời hạn của bảo hiểm tính từ Ngày hiệu lực của Hợp đồng đến khi kết thúc thời hạn bảo hành đối với các loại bảo hiểm sau:

(a) Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt;

(b) Bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba;

(c) Bảo hiểm bồi thường nhân công, với giá trị tối thiểu phải tuân thủ theo pháp luật lao động của Việt Nam;

(d) Bảo hiểm hàng hóa, với giá trị bảo hiểm là 110% giá [CIP] của vật tư, thiết bị cho toàn bộ tổn thất, thiệt hại phát sinh, trong quá trình vận chuyển từ xưởng/kho của nhà chế tạo hoặc nhà cung cấp cho đến khi hàng đến công trường, đối với Công trình và đối với thiết bị thi công do Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ cung cấp;

(e) Bảo hiểm trách nhiệm của Chủ đầu tư;

(f) Bảo hiểm trách nhiệm xe cơ giới;

Nhà thầu phải chịu chi trả bất cứ khoản giá trị hay tổn thất chưa có bảo hiểm hay chưa được bồi thường (do giới hạn trách nhiệm, loại trừ, miễn thường hay vượt mức).

Các nội dung sau có thể điều chỉnh thay đổi, tùy theo hướng dẫn, yêu cầu của Chủ đầu tư.

(a) Bảo hiểm đối với các tổn thất thiệt hại về vật chất đối với Công trình tại công trường, phát sinh trước khi nghiệm thu bàn giao công trình, kèm theo bảo hiểm bảo trì, bảo dưỡng mở rộng cho phần trách nhiệm của Nhà thầu đối với các tổn thất thiệt hại phát sinh trong thời hạn bảo hành (thông báo sai sót) trong khi Nhà thầu có mặt ở công trường để thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời gian này.

Chi tiết như sau:

Giá trị [đồng tiền]	Mức miễn thường [đồng tiền]	Bên được bảo hiểm [tên]	Từ [địa điểm]	Đến [địa điểm]

(b) Bảo hiểm thương tật, chết của bên thứ ba (bao gồm nhân lực của Chủ đầu tư) và tổn thất hay thiệt hại tài sản (bao gồm tài sản của Chủ đầu tư và bất kỳ phần nào của Công trình mà đã được Chủ đầu tư nghiệm thu) phát sinh trong thời gian cung cấp lắp đặt Công trình

hoặc

[Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm theo quy định pháp luật của Việt Nam và các điều khoản điều kiện dưới đây:]

Loại hình bảo hiểm	Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt và Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba
Bên đề nghị	Nhà thầu
Bên được bảo hiểm	Chủ đầu tư, Nhà thầu, Nhà thầu phụ và các bên khác có lợi ích, quyền lợi liên quan trong Dự án được mua bảo hiểm và cho các hoạt động công việc hữu hình trên công trường liên quan đến dự án của các bên này
Bên thụ hưởng	Nhà thầu
Dự án được mua bảo hiểm	<i>[ghi rõ tên Dự án]</i>
Địa điểm dự án	<i>[ghi rõ địa điểm thực hiện Dự án]</i>
Phạm vi công việc	Tất cả các công việc
Thời hạn bảo hiểm	<i>[ghi thời hạn bảo hiểm]</i>

Lợi ích	<p><u>Phần 1 - Mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt</u></p> <p>Bao gồm nhưng không giới hạn như sau:</p> <p>a) Các công việc trong Hợp đồng (công việc lâu dài và công việc tạm thời bao gồm toàn bộ vật tư, thiết bị hoặc bất kỳ hạng mục nào do Nhà thầu cung cấp);</p> <p>b) Tiền lương và các chi phí của đốc công, kiến trúc sư, nhân viên khảo sát, tư vấn, quản lý dự án, điều phối viên dự án, tư vấn và kỹ thuật viên (nhưng không vượt quá số tiền do cấp thẩm quyền quy định khi tổn thất xảy ra), phí pháp lý và tất cả các phí, chi phí để lập kế hoạch, xác định khối lượng, lập danh sách các tài sản được bảo hiểm, mở thầu và để kiểm soát sự phục hồi sau khi tổn thất xảy ra (nhưng không áp dụng cho các chi phí chuẩn bị tài liệu khiếu nại);</p> <p>c) Chi phí dọn sạch và các chi phí cho công tác di chuyển, giải phóng mặt bằng hoặc phá hủy các mảnh vỡ, vật tư, tài sản hoặc vật chất (bao gồm nhưng không giới hạn việc loại bỏ, giải phóng hoặc phá hủy bất kỳ lợi ích trong phần bảo hiểm này do không còn phù hợp với mục đích đã dự kiến) bao gồm cả việc thực hiện sửa chữa tạm thời, phục hồi, tiếp tục các điều kiện làm việc ban đầu.</p> <p><u>Phần 2 - Trách nhiệm bên thứ ba</u></p> <p>Bồi thường bên được bảo hiểm về mặt trách nhiệm pháp lý đối với bên thứ ba như chết, thương tật, thiệt hại tài sản phát sinh liên quan đến Dự án được mua bảo hiểm</p>
---------	---

<p>Giá trị bảo hiểm</p>	<p><u>Phần 1 - Mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt</u></p> <p>Ghi chú: Giá trị bảo hiểm sẽ được xác định trước khi ký Hợp đồng.</p> <p><u>Phần 2 - Trách nhiệm bên thứ ba</u></p> <p>Giới hạn trách nhiệm: Bồi thường thương tật cơ thể và thiệt hại tài sản: [số tiền] cho bất kỳ vụ nào và không giới hạn số vụ xuất hiện trong thời hạn bảo hiểm</p>
<p>Mức miễn thường</p>	<p><u>Phần 1 - Thiệt hại vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với [thiết bị chính]: [số tiền]/vụ liên quan đến thử nghiệm, nghiệm thu, chạy tin cậy; rủi ro và bảo trì của nhà chế tạo - [số tiền]/vụ liên quan đến bất khả kháng - Đối với các hạng mục khác: [số tiền]/vụ liên quan đến thử nghiệm, nghiệm thu, chạy tin cậy; rủi ro và bảo trì của nhà chế tạo - [số tiền]/vụ đối với các trường hợp còn lại. <p><u>Phần 2 - Trách nhiệm bên thứ ba</u></p> <p>[số tiền]/vụ đối với trường hợp chỉ có thiệt hại tài sản</p>
<p>Điều khoản và điều kiện</p>	<p>Theo tiêu chuẩn của Munich Re về chính sách bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt và những sửa đổi bổ sung như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Bảo hiểm đối với tổn thất và thiệt hại do Đỉnh công, Náo loạn và Bạo động dân sự (Giới hạn: [số tiền] cho mỗi một vụ bất kỳ) (001) 2) Bảo hiểm đối với trách nhiệm chéo (002) 3) (004) Bảo trì mở rộng ([...tháng]) (004)

	<p>4) Tiền độ ([...ngày] (005)</p> <p>5) Bảo hiểm cho chi phí phát sinh tăng do tăng ca, ca làm đêm, ca làm vào ngày nghỉ, phí vận chuyển hàng hóa cấp tốc (Giới hạn: [...%] trên chi phí sửa chữa, mức tối đa là [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào) (006)</p> <p>6) Bảo hiểm cho chi phí phát sinh tăng do Vận chuyển hàng hóa đường hàng không (Giới hạn: [.....%] trên chi phí sửa chữa, mức tối đa là [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào) (007)</p> <p>7) Lưu kho bãi ngoài công trường (Giới hạn: [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào, vị trí sẽ được thông báo) (013)</p> <p>8) Tài sản hiện hữu của người ủy nhiệm hoặc tài sản thuộc về hoặc được bảo quản, bảo hộ, hoặc kiểm soát bởi người được bảo hiểm (Giới hạn: [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào) (119)</p> <p>9) Thử nghiệm máy móc ([... tháng] trong đó thời gian thử nghiệm của mỗi hạng mục là [... tuần]) (100)</p> <p>10) Rủi ro từ bên thiết kế (chỉ đối với công tác xây dựng) (115)</p> <p>11) Sự rung, di chuyển hoặc làm yếu bộ phận gia cố (Mức miễn thường = 20% trên phần mất mát, mức tối thiểu là [số tiền] cho bất kỳ vụ nào) (120)</p> <p>12) Công tác móng cọc & công tác tường chắn (121)</p>
--	--

	<p>13) Rủi ro từ nhà chế tạo (200)</p> <p>*** LEG 3 Rủi ro từ bên thiết kế (áp dụng cho máy móc và thiết bị)</p> <p>14) Phương tiện phòng cháy chữa cháy (206)</p> <p>15) Lán trại và lưu kho bãi (207)</p> <p>16) Cáp ngầm và ống (mức miễn thường là 20% trên phần mất mát, mức tối thiểu là [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào) (208)</p> <p>17) Biện pháp an toàn đối với Ngập lụt (221)</p> <p>18) (Giới hạn: [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào)</p> <p>19) Dọn sạch mảnh vỡ (Giới hạn: [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào)</p> <p>20) Điều chỉnh thời gian (72 giờ)</p> <p>21) Loại trừ chiến tranh và khủng bố (NMA2919)</p> <p>22) Tự động phục hồi giá trị bảo hiểm</p> <p>23) Hàng hải 50/50</p> <p>24) Trượt giá (15%)</p> <p>25) Chi phí giảm thiểu mất mát tổn thất (Giới hạn: [số tiền] cho bất kỳ vụ nào; Chỉ giới hạn với trường hợp tổn thất thực tế)</p> <p>26) Kế hoạch và tài liệu (Giới hạn: [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào)</p> <p>27) Đơn vị tính toán tổn thất độc lập (Crawford, Cunningham, Mclarens)</p> <p>28) Thanh toán trên tài khoản ([...]%)</p> <p>29) Loại trừ chất a-mi-ăng</p> <p>30) Loại trừ ô nhiễm, bụi bản công nghiệp</p>
--	---

	<p>31) Điều khoản thỏa thuận làm rõ</p> <p>32) Khảo sát rủi ro EPI65</p> <p>33) Điều chỉnh phí bảo hiểm tại thời điểm hết hạn</p> <p>34) Tuyên bố thông báo và tự động sửa chữa (Giới hạn: [số tiền] cho bất kỳ một vụ nào)</p> <p>35) Bảo hiểm đối với Công trình sau khi bàn giao hoặc đưa vào sử dụng</p> <p>36) Công trình ướ</p>
Tỷ lệ phí bảo hiểm	_____ %
Điều khoản thanh toán	[Sẽ được thảo luận]

Phụ lục 1.2**ĐIỀU KIỆN VÀ QUY TRÌNH THANH TOÁN**

Căn cứ việc Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ nêu trong Hợp đồng và căn cứ bộ chứng từ đầy đủ theo yêu cầu do Nhà thầu đệ trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo Giá hợp đồng bằng đồng tiền nêu trong Hợp đồng theo phương thức sau:

I. Hình thức thanh toán

Hợp đồng sẽ được thanh toán theo hình thức chuyển khoản qua ngân hàng (T/T).

Ghi chú: vì lợi ích của Chủ đầu tư, hình thức thanh toán nêu trong Hồ sơ mời thầu nên là T/T.

II. Quy trình thanh toán**1. Tạm ứng**

Chủ đầu tư tạm ứng một khoản tiền tương đương với [...] % Giá hợp đồng, đây được coi là khoản tạm ứng không tính lãi để nhà thầu huy động các nguồn lực và thực hiện công tác thiết kế, trong vòng [...] ngày kể từ ngày nhận được đủ bộ chứng từ nêu dưới đây do Nhà thầu nộp:

(a) Một (01) bản gốc và hai bản (02) sao hóa đơn do Nhà thầu ký;

(b) Bảo lãnh tạm ứng phù hợp với quy định tại Điều [...] ĐKC, với giá trị tương ứng [...] của Giá hợp đồng;

(c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều [...] ĐKC [*Bảo đảm thực hiện hợp đồng*].

Giá trị Bảo lãnh tạm ứng có thể được khấu trừ từng đợt tương ứng với mức thu hồi tiền tạm ứng từ Nhà thầu.

Bảo lãnh tạm ứng được phát hành dưới hình thức bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang, được trả theo yêu cầu như quy định tại Hợp đồng này; do tổ chức tín dụng hoặc một chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại

Việt Nam và được Chủ đầu tư chấp thuận phát hành. Các hình thức bảo lãnh khác có thể được chấp nhận với điều kiện được Chủ đầu tư phê duyệt trước.

Nhà thầu phải đảm bảo Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực cho đến khi thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng, tuy nhiên giá trị của bảo lãnh có thể được khấu trừ từng đợt tương ứng với số tiền tạm ứng thu hồi từ Nhà thầu. Nếu các điều khoản của bảo lãnh nêu rõ ngày hết hạn bảo lãnh, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực bảo lãnh cho tới thời điểm toàn bộ giá trị tạm ứng được thu hồi.

Chủ đầu tư sẽ hoàn trả Bảo lãnh tạm ứng cho Nhà thầu trong vòng [...] ngày kể từ khi phát hành Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình tạm thời.

2. Thanh toán định kỳ

Bộ chứng từ thanh toán định kỳ sẽ bao gồm các tài liệu do Chủ đầu tư yêu cầu. Tất cả các chứng từ này khi nộp cho Chủ đầu tư phải đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư về số lượng, nội dung và chất lượng của từng chứng từ. Chủ đầu tư có quyền giữ lại khoản thanh toán trong trường hợp Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu này.

2.1 Thanh toán phần trọn gói:

Phần nhập khẩu

Chi phí vật tư thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài

(a) [...] phần trăm (...%) giá “CIP tại công trường” cho hạng mục vật tư thiết bị tương ứng được nêu trong cột “CIP tại công trường” - Biểu giá của hợp đồng sẽ được thanh toán khi Nhà thầu đệ trình đầy đủ bộ chứng từ thanh toán và vận chuyển quy định tại Điều [...] ĐKC [*Vận chuyển*] cho mỗi chuyến hàng. Giá trị bảo lãnh tạm ứng sẽ được khấu trừ tương ứng với phần thanh toán này.

(b) [...] phần trăm (...%) của giá “CIP tại công trường” cho hạng mục vật tư thiết bị được nêu tại cột “CIP tại công trường” - Biểu giá của hợp đồng sẽ được thanh toán khi các xác nhận vật tư thiết bị đã được giao đến Công trường. Giá trị bảo lãnh tạm ứng sẽ được khấu trừ tương ứng với phần thanh toán này.

Tiến độ giao hàng phải phù hợp và hợp lý với tiến độ xây dựng, lắp đặt và tiến độ thực hiện các dịch vụ khác trong phạm vi công việc. Chủ đầu tư bảo lưu quyền được giữ lại các khoản thanh toán đối với các chuyến hàng mà Chủ đầu tư đánh giá

là giao hàng sớm một cách bất hợp lý so với tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại [Biểu tiến độ] của Hợp đồng. Việc giữ lại các khoản thanh toán này không được coi là chậm thanh toán và trường hợp này không áp dụng Điều [...] ĐKC.

Chi phí xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác thuộc phạm vi công việc

Mỗi tháng, [...] phần trăm (...%) của giá trị phần công việc đã thực hiện tương ứng với các hạng mục liệt kê trong chi phí xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác thuộc phạm vi Công việc sẽ được thanh toán khi có Giấy xác nhận công việc hoàn thành của Chủ đầu tư trong tháng. Giá trị bảo lãnh tạm ứng được khấu trừ tương ứng với khoản thanh toán này;

Phần trong nước

Chi phí vật tư, thiết bị cung cấp trong nước bao gồm cả vận chuyển

[...] phần trăm (...%) giá trị tương ứng với các hạng mục nêu trong Biểu giá của Hợp đồng sẽ được thanh toán khi có xác nhận vật tư thiết bị đã được giao đến Công trường. Giá trị bảo lãnh tạm ứng sẽ được khấu trừ tương ứng với khoản thanh toán này;

Chi phí xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác thuộc phạm vi công việc

Mỗi tháng, [...] phần trăm (...%) của giá trị phần công việc đã hoàn thành sẽ được thanh toán khi có Giấy xác nhận công việc hoàn thành của Chủ đầu tư. Giá trị bảo lãnh tạm ứng được khấu trừ tương ứng với khoản thanh toán này.

2.2 Thanh toán phần hợp đồng theo đơn giá (nếu có)

(Ghi chú: áp dụng điều khoản này trong trường hợp Hợp đồng có một phần công việc áp dụng loại hợp đồng theo “đơn giá cố định” hoặc theo “đơn giá điều chỉnh”. Trong trường hợp theo đơn giá điều chỉnh, Hợp đồng sẽ quy định rõ công thức tính toán đơn giá tại từng thời điểm thanh toán)

Giá trị phần công việc [.....] nêu trong Phụ lục [Biểu giá] của Hợp đồng trong đó ước tính khối lượng và nêu rõ [đơn giá cố định hoặc công thức điều chỉnh đơn giá].

[...] phần trăm (...%) của giá trị phần công việc hoàn thành theo phương pháp đánh giá quy định trong Hợp đồng này sẽ được thanh toán khi Nhà thầu đệ trình Đề nghị thanh toán từng đợt trong đó có kèm theo các chứng từ thanh toán gồm:

(a) Một (01) bản gốc và hai (02) bản sao Xác nhận công việc hoàn thành;

(b) Một (01) bản gốc và hai (02) bản sao hóa đơn do Nhà thầu ký.

Với phần thanh toán này, giá trị bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm trừ tương ứng.

Xác nhận công việc hoàn thành đối với phần công việc thực hiện theo đơn giá sẽ bao gồm nội dung sau:

Khối lượng công việc hoàn thành được xác định bằng phương pháp [...] do Nhà thầu đệ trình hàng tháng.

Giá trị công việc hoàn thành được xác định bằng cách áp dụng đơn giá cố định nêu trong Hợp đồng và phương pháp nêu trên để xác định khối lượng công việc.

3. Thanh toán khoản tiền giữ lại

(a) [...] phần trăm ([...] %) của Giá hợp đồng sẽ được thanh toán khi Nhà thầu đệ trình Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình tạm thời do Chủ đầu tư phát hành.

(b) [...] phần trăm ([...] %) của Giá hợp đồng sẽ được thanh toán khi Nhà thầu đệ trình Giấy chứng nhận hoàn thành toàn bộ Công trình do Chủ đầu tư phát hành.

III. Thủ tục thanh toán

Thủ tục đệ trình các xác nhận đề nghị thanh toán được nêu cụ thể dưới đây:

a) Trong vòng [...] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu chuẩn bị đệ trình Biểu tiến độ thanh toán, trong đó bao gồm Biểu giá chi tiết. Sau đó, định kỳ theo quý hoặc 06 tháng, Nhà thầu sẽ cập nhật bảng tiến độ thanh toán này.

b) Nhà thầu sẽ đệ trình Đề nghị thanh toán như quy định tại Phụ lục này và Điều [...] ĐKC, theo mẫu được hai bên thống nhất trong cuộc họp triển khai dự án.

c) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng [...] ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ đối với đề nghị tạm ứng hoặc đề nghị thanh toán theo đợt đối với các khoản thanh toán đã được thống nhất.

Sau khi nhận được đề nghị của Chủ đầu tư đối với các khoản thanh toán chưa được hai bên thống nhất, Nhà thầu trong một khoảng thời gian hợp lý sẽ đệ trình lại Đề nghị thanh toán tương ứng. Chủ đầu tư sẽ xem xét đề nghị này trong vòng [...] ngày kể từ ngày nhận.

d) Thanh lý

Khi đệ trình đề nghị thanh toán lần cuối cùng, Nhà thầu sẽ kèm theo đề nghị thanh lý bằng văn bản, trong đó nêu rõ đề nghị thanh toán lần cuối thể hiện cho các khoản thanh toán thanh lý hợp đồng, bao gồm:

- Các khoản tiền còn lại mà Chủ đầu tư giữ của Nhà thầu theo Hợp đồng này;
- Các khoản phạt vi phạm hợp đồng;
- Các khoản phạt vi phạm trách nhiệm dân sự;
- Các khoản bồi hoàn theo quy định; và
- Các khoản chi phí pháp luật khác.

Trong đó nêu rõ việc thanh lý có hiệu lực khi Nhà thầu đã nhận lại Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và giá trị khoản tiền chênh lệch còn lại.

e) Các khoản thanh toán không bao gồm trong Giá hợp đồng sẽ được thực hiện như sau:

- Thanh toán cho các thiệt hại như nêu tại Điều [...] ĐKC [*Bảo lãnh thực hiện hợp đồng*] bằng đồng tiền và tỷ lệ nêu trong Điều này;

- Các khoản thanh toán khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư sẽ được thanh toán bằng đồng tiền do hai bên thỏa thuận hoặc đồng tiền mà Chủ đầu tư chi trả cho hạng mục đó;

- Nếu giá trị thanh toán của Nhà thầu cho Chủ đầu tư bằng một loại đồng tiền cụ thể vượt quá giá trị mà Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu bằng chính loại đồng tiền đó, Chủ đầu tư sẽ lấy phần chênh lệch này từ khoản tiền khác mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu bằng loại đồng tiền khác.

g) Các điều kiện khác của Hợp đồng này sẽ được áp dụng trừ khi được nêu rõ trong Phụ lục này.

Bảng tóm tắt dưới đây có thể được sử dụng để mô tả Tiến độ thanh toán thông thường cho loại Hợp đồng trọn gói:

Các mốc tiến độ thanh toán	%	% cộng dồn	Mô tả
Tạm ứng			
	...%	Được giảm trừ từng đợt thanh toán	Khi Nhà thầu đệ trình Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
Thanh toán từng đợt			
(i) Thanh toán phần vật tư, thiết bị nhập khẩu			
	...%	...%	Khi Nhà thầu đệ trình chứng từ vận chuyển đối với các hạng mục vật tư thiết bị nhập khẩu
	...%	...%	Khi giao hàng đến công trường
(ii) Thanh toán phần vật tư, thiết bị trong nước			
	...%	...%	Khi giao hàng đến công trường
(iii) Thanh toán các hạng mục xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác			
	...%	...%	Khi có xác nhận khối lượng công việc xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác đã hoàn thành
Thanh toán tiền giữ lại			
	...%	...%	Khi Nhà thầu đệ trình Chứng chỉ chứng nhận tạm thời cho công việc
	...%	100%	Khi Nhà thầu đệ trình Chứng chỉ hoàn thành toàn bộ Công việc

Phụ lục 1.3**CÁC THÔNG SỐ CAM KẾT BẢO HÀNH****Phần chung**

Phụ lục này quy định:

a) Các thông số bảo đảm và các mức tối thiểu như được tham chiếu tại Điều [...] ĐKC;

b) Cam kết thực hiện của Nhà thầu và các điều kiện tiên quyết làm cơ sở cho các thông số bảo đảm [trong quá trình sản xuất và/hoặc tiêu thụ] như nêu dưới đây;

c) Công thức tính toán các giá trị bồi thường thiệt hại do không đạt được các thông số bảo đảm.

1. Các điều kiện tiên quyết

Nhà thầu phải nêu các thông số bảo đảm cho công trình, phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau:

- Các điều kiện thực hiện tại công trường (so với các điều kiện thiết kế) theo Bảng ____;

- Các điều kiện vận hành theo Bảng ____;

- Loại nhiên liệu theo Bảng ____;

- Đường cong hiệu chỉnh theo Biểu ____;

- Các tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng được phê duyệt;

- Các điều kiện khác (cần nêu rõ).

[Ghi chú: cần liệt kê tất cả các điều kiện để thực hiện công tác “Thử nghiệm các thông số bảo đảm” theo Điều [...] ĐKC]

2. Các thông số bảo đảm

Căn cứ vào việc tuân thủ các điều kiện tiên quyết, Nhà thầu phải bảo đảm:

Stt	Mô tả	Thông số bảo hành	Ghi chú
	<u>Đối với hệ thống/nhà máy</u>		
1			

Stt	Mô tả	Thông số bảo hành	Ghi chú
2			
	<u>Đối với các thiết bị chính</u>		
1			
2			

[Ghi chú: Mô tả phải đúng, chính xác và nhất quán để sử dụng trong Hợp đồng và tránh hiểu nhầm. Bảng trên có thể được thay thế bằng các đoạn khác nhau nhằm chỉ ra những gì Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu bảo đảm (và sau đó Chủ đầu tư và Nhà thầu thống nhất với nhau)]

Mẫu nội dung áp dụng trong Mục 3.

3. Đối với dự án nhà máy điện

[Ghi chú: Đối với nhà máy điện, có một số phương thức ràng buộc Nhà thầu thực hiện Công trình trên góc độ toàn bộ hệ thống hoặc từng hạng mục thiết bị/bộ phận cụ thể, có xem xét khả năng sản xuất, tiêu thụ nhiên liệu].

Căn cứ nội dung các điều kiện tiên quyết, Nhà thầu bảo đảm các thông số sau:

Stt	Mô tả	Thông số bảo đảm	Ghi chú
	<u>Đối với hệ thống/nhà máy</u>		
1	Công suất tinh (kW)		[và/hoặc công suất thô]
2	Suất tiêu hao nhiệt tinh (kJ/kWh)		
	<u>Đối với các thiết bị chính</u>		
1	Hiệu suất lò % (HHV)		
2	Công suất thô của tuabin hơi (kW)		
3	Suất tiêu hao nhiệt của tuabin hơi (kJ/kWh)		
4	Tổn thất máy biến áp trên máy phát (kW)		

Stt	Mô tả	Thông số bảo đảm	Ghi chú
5	Tiêu hao điện tự dùng (kW)		[Loại trừ tổn thất máy biến áp và tính toán phụ tải phụ trợ]
6	Phát thải khí (mg/Nm ³)		[Mức phát thải tối đa]
7	Phát thải tiếng ồn (dB(A))		[Cấp áp lực âm thanh]
8	Phát thải		[Các phát thải gây ô nhiễm]

4. Trường hợp không đáp ứng các thông số bảo đảm

4.1 Không đáp ứng sản lượng bảo đảm

Nếu sản lượng của Công trình trong quá trình chạy thử, theo Điều [...], thấp hơn giá trị bảo đảm như đã nêu trong đoạn 3.1 trên nhưng không thấp hơn giá trị tối thiểu trong đoạn 4.3 dưới đây, và Nhà thầu được chọn chịu phạt cho Chủ đầu tư thay vì hiệu chỉnh hệ thống, thiết bị để đạt được thông số bảo đảm như nêu tại Điều [...], thì Nhà thầu sẽ phải chịu phạt với mức ___ cho mỗi 1% thiếu hụt sản lượng, hoặc mức phạt tương ứng với mức giảm theo tỷ lệ cho bất kỳ thiếu hụt nào thấp hơn 1%.

4.2 Tiêu hao vật tư và nhiên liệu vượt mức cam kết

Nếu giá trị đo lường thực tế của vật tư và nhiên liệu tiêu hao cho 1 tổ máy (hoặc chi phí tiêu hao trung bình) trong quá trình chạy thử, theo Điều [...] vượt mức cam kết như đã nêu trong đoạn 3.2 trên nhưng không cao hơn giá trị tối đa trong đoạn 4.3 dưới đây, và Nhà thầu chọn cách thanh toán chịu phạt cho Chủ đầu tư thay vì hiệu chỉnh hệ thống, thiết bị như nêu tại Điều [...], thì Nhà thầu sẽ chịu phạt với mức ___ [bằng loại tiền của Hợp đồng] cho mỗi 1% dư thừa của lượng vật tư tiêu hao, hoặc mức phạt tương ứng với mức dư thừa theo tỷ lệ nếu mức dư thừa chưa đạt 1%.

4.3 Giá trị tối thiểu

Nếu sau khi chạy thử, kết quả cho thấy Nhà thầu không đạt được giá trị tối thiểu của các thông số bảo đảm (và tiêu hao) sau đây, Nhà thầu phải khắc phục thiếu hụt bằng chi phí của Nhà thầu cho đến khi Công trình đạt giá trị tối thiểu theo Điều [...]

(a) Sản lượng của Công trình đạt được trong quá trình chạy thử: 95% sản lượng bảo đảm (giá trị chào trong HSDT của Nhà thầu biểu thị 100%).

và/hoặc

(b) Tổng chi phí tiêu hao trung bình của tất cả các loại vật tư và nhiên liệu: 105% giá trị bảo đảm (giá trị chào trong HSDT của Nhà thầu biểu thị 100%).

4.4 Giới hạn trách nhiệm pháp lý

Căn cứ mục 4.3 nêu trên, Nhà thầu phải có trách nhiệm và chịu phạt do không đáp ứng các thông số bảo đảm nhưng không vượt (...%) trên tổng giá trị hợp đồng. (Giá trị này thông thường là 100% giá trị của hợp đồng).

(Xem tiếp Công báo số 1463 + 1464)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng